| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGỌC HỒI**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày: 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hành;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Y Tý và ông Phan Văn Đông

***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Điệp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà:*** Ông Đàm Công Tư- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 71 /2023/HSST-QĐ ngày 15/12/2023 đối với các bị cáo:

**1. Phạm T,** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/5/1981 tại tỉnh T; số CCCD 046081001618; cấp ngày 29/4/2021; Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ; huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị S; anh chị em ruột: có 05 người; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ là Nguyễn Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Đình D**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22/02/1982, tại tỉnh K; số CCCD 062082002839; cấp ngày 09/5/2021; Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn T, xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp:

Công nhân; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Viết Là và bà Nguyễn Thị Đáng; Anh chị em có 06 người. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ Lê Thị Thảo T và có 02 con; Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 19/5/2023, bị Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Hoàng Văn H;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05/7/1989 tại tỉnh N; số CCCD 040089003560; cấp ngày 09/5/2021; Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn K (Đã chết) và bà Nguyễn Thị B; anh chị em: có 05 người. Bị cáo là con thứ năm trong gia đình; vợ Trần Thị D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023; được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Thanh M;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/01/1983, tại tỉnh K; số CCCD 091083007931; cấp ngày 01/5/2021; Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị V anh chị em: có 08 người. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ Trần Thị D và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023; được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Chí T**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.Sinh ngày 07/8/1984. Tại tỉnh N. số CCCD 058084005360; cấp ngày 25/3/2021; Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố

P, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Tổ 6, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Nguyễn Văn M, (đã chết). Mẹ: Trương Thị L, sinh năm 1942. Anh chị em ruột: có 11 người. Bị cáo là con út trong gia đình. Vợ: Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1987.Con: có ba con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2023.Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 25/8/2023; được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**6. Nguyễn Hữu N**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 06/7/1989. Tại tỉnh G. số CCCD 026089007488; cấp ngày 29/4/2021 Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Nguyễn Hữu G, sinh năm 1954. Mẹ: Ngô Thị L, sinh 1957. Anh chị em ruột: có hai người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1989. Con: có một con, sinh năm 2015.Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**7. Nguyễn Văn D**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 01/01/1974. Tại tỉnh Nam Đ. số CCCD ; cấp ngày ……. Nơi cấp; Cục CSQLHC về TTXH; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên Chúa giáo. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 08/12. Cha: Nguyễn Văn K, sinh năm 1947.Mẹ: Vũ Thị T, sinh năm 1951.Anh em ruột: có 05 người. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982. Con: có hai con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004.Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 30/8/2023; được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa

*2.3. Người làm chứng:*

Anh: Trần Ngọc V; Sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Ngày 14/8/2023, Công an huyện N nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát hiện có nhiều người tụ tập nghi vấn đánh bạc trái phép tại quán nước của Trần Ngọc V *(sinh năm 1994),* tại thôn N, xã Đ, huyện N nên cử Tổ công tác kiểm tra xác minh. Khoảng 12 giờ 40 cùng ngày, Tổ công tác phát hiện trong quán nước của Trần Ngọc V tại thôn N, xã Đ, huyện Ngọc Hồi có 07 *(bảy)* người đang đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc Bầu cua gồm: Phạm T, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn H, Trần Đình D, Nguyễn Chí T nên tiến hành bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang, 07 *(bảy)* người nói trên đang ngồi vòng quanh trên một bộ bàn ghế sofa, trên mặt bàn có 01 tấm bìa in 06 ô hình các con vật lần lượt là: Tôm, Cua, Bầu, Cá, Gà, Nai và số tiền 140.000đ *(một trăm bốn mươi nghìn đồng)*; 01 tô nhôm màu trắng đang úp trên 01 đĩa nhôm màu trắng, mở tô nhôm ra thấy có 03 hột xúc sắc, mỗi hột có 06 mặt in hình gồm: Tôm, Cua, Bầu, Cá, Gà, Nai.

Kiểm tra trên bàn và trong người các con bạc phát hiện: Trên bàn ngay trước chỗ Phạm T ngồi có số tiền 390.000 đồng *(ba trăm chín mươi nghìn đồng).* Túi quần phía sau bên phải Nguyễn Thanh M đang mặc có số tiền 800.000đ *(tám trăm nghìn đồng)*, túi quần phía trước bên trái M đang mặc có số tiền 640.000 đồng *(sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Trên bàn ngay trước chỗ Nguyễn Hữu N ngồi có số tiền 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng),* trong túi quần phía sau bên phải N đang mặc có số tiền 510.000 đồng *(năm trăm mười nghìn đồng).* Trong túi quần phía trước bên trái Nguyễn Văn D đang mặc có số tiền 210.000 đồng *(hai trăm mười nghìn đồng).* Trong túi quần phía trước bên phải Hoàng Văn H đang mặc có số tiền 950.000 đồng *(chín trăm năm mươi nghìn đồng),* trong túi quần phía sau bên phải H đang mặc có số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng).* Trong túi quần phía trước bên trái Trần Đình D đang mặc có số tiền 2.400.000 đồng *(hai triệu bốn trăm nghìn đồng),* trong túi quần phía sau bên phải D đang mặc có số tiền 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng).* Trên bàn ngay trước chỗ Nguyễn Chí T ngồi có số tiền

300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* trong túi quần phía sau bên trái T đang mặc có số tiền 2.850.000 đồng *(hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

Bảy người nói trên khai nhận đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc Bầu cua, đặt cược mỗi ván ít nhất 10.000 đồng (mười nghìn đồng) và không quá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền phát hiện, tạm giữ trên bàn và trong người các con bạc là 12.390.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổ công tác đã đưa người, vật chứng về trụ sở Công an huyện Ngọc Hồi để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bảy người nói trên về hành vi đánh bạc và tạm giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Kết quả điều tra đã xác định như sau: 07 bị caó gồm Phạm T, Trần Đình D, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Chí T và Hoàng Văn H là công nhân, người lao động làm thuê cho nhà máy chế biến mủ cao su Đ thuộc thôn N, xã , huyện N, tỉnh Kon Tum. Trưa ngày 14/8/2023, bị cáo Nguyễn Thanh M, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu N đi đến quán nước của Trần Ngọc V phía trước nhà máy để ăn cơm, uống nước trước. Một lúc sau, các bị cáo Phạm T, Trần Đình D, Nguyễn Chí T cùng đến sau. Lúc đó, bị cáo T nhìn thấy ở bộ bàn ghế sofa trong quán có một bộ dụng cụ để xóc bầu cua nên đã đến cầm bộ dụng cụ và rủ 06 bị cáo còn lại cùng nhau xóc bầu cua được thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý, rồi 07 bị cáo cùng ngồi vòng quanh bộ bàn ghế sôfa tại quán nước và bắt đầu đánh bạc với nhau. 07 bị cáo thống nhất chơi như sau: Sử dụng 03 hột xúc xắc cùng kích thước, mỗi hột có 06 mặt in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 mảnh bìa trên mặt cũng in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 đĩa bằng nhôm và 01 tô bằng nhôm. Khi bắt đầu chơi, người cầm cái trải tấm bìa in hình Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai lên trên bàn, bỏ 03 con xúc xắc vào đĩa nhôm, lấy tô nhôm úp lại rồi xóc đi xóc lại nhiều lần, xong thì bỏ xuống mặt bàn để người chơi đặt cược tiền vào một hoặc nhiều ô mà mình thích trên tấm bìa với số tiền ít nhất là 10.000đồng và không quá 50.000đồng. Sau khi đặt cược xong, người cầm cái sẽ mở tô nhôm úp 03 con xúc xắc ra, công bố kết quả. Các mặt ngửa lên của các quân xúc xắc chính là các mặt thắng, sau đó để tính thắng thua với tỉ lệ đặt 01 ăn 0 (tức là không có mặt xúc xắc nào trùng với ô mà người chơi đặt cược trên tấm bìa thì người chơi sẽ mất số tiền cược cho người cầm cái), 01 ăn 01, 01 ăn 02 và 01 ăn 03.

D mang theo số tiền 4.000.000đ đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

H mang theo số tiền 2.200.000đ đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

T mang theo số tiền 1.210.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

M mang theo số tiền 1.050.000đ đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

T mang theo số tiền 2.880.000đ đồng nhưng chỉ sử dụng số tiền 880.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 2.000.000 đồng là tiền ứng của nhà máy mủ cao su Đ để đi mua trang thiết bị, linh kiện về lắp đặt, sửa chữa camera cho nhà máy nên không có ý định sử dụng để đánh bạc.

N mang theo số tiền 800.000đ đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

D mang theo số tiền 250.000đ đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

Lúc đầu, T làm cái được vài ván thì chuyển lại cho D làm cái. Đến khoảng 12 giờ 40 cùng ngày, khi D làm cái vừa xóc bầu cua xong để các con bạc đặt cược, chưa mở tô nhôm ra tính thắng thua thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc sau khi điều tra làm rõ là 10.390.000 đồng (Mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-NH ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo Phạm T, Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D đã phạm vào tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về trách nhiệm hình sự:*

1- Bị cáo Trần Đình D áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS ", áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Dũng từ 12 (mười hai) đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2- Bị cáo Hoàng Văn H áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự ", áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Minh từ 08 (tám tháng) đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3- Bị cáo Nguyễn Thanh M áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự: ", áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Minh từ 08 (tám tháng) đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4- Bị cáo Nguyễn Hữu N áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự: ", áp dụng mức hình phạt đối với

bị cáo Minh từ 08 (tám tháng) đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5- Bị cáo Nguyễn Văn D áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự: ", áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Duẫn từ 06 (Sáu tháng) đến 8 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6- Bị cáo Phạm T áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự: " áp dụng hình phạt đối với bị cáo Phạm T bằng hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

7- Bị cáo Nguyễn Chí T áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự. áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Chí T bằng hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về vật chứng*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) tấm bìa bên trên có 06 ô in hình lần lượt là; Nai, Bầu, Gà, Cá, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

+ 01 (Một)tô nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 01(Một) đĩa nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 03(ba) hột xúc sắc, mỗi hột có 06 mặt in hình: Nai, bầu, gà, Ca, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.390.000 đồng (Mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Trả lại số tiền 2.000.000 đ(Hai triệu đồng) cho bị cáo Nguyễn Chí Tùng.

*Về án phí:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Phạm T: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin giảm nhẹ hình phạt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạm.

- Bị cáo Trần Đình D: Bị cáo biết hành vi đánh bạc là sai, do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo là lao động chính trong gia đình, con bị cáo

còn nhỏ, bị cáo mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm lo làm ăn cho gia đình nuôi dạy con cái.

- Bị cáo Hoàng Văn H: Gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã biết sai mong HĐXX tạo điều kiện xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có điều kiện lo làm ăn cho gia đình nuôi dạy con cái.

- Bị cáo Nguyễn Thanh M: Thưa HĐXX, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo thấy có lỗi đã vì đã vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Chí T: Gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã biết sai về hành vi vi phạm của mình, hiện nay bị cáo còn con nhỏ, mong HĐXX tạo điều kiện xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Hữu N: Thưa HĐXX, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo thấy có lỗi vì đã vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Văn D: Bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm của mình, bị cáo hứa không tái phạm mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi cấu thành tội phạm*: Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thể hiện tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 31/10203 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, do đó có đủ căn

cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 14/8/2023, tại quán nước của Trần Ngọc V tại thôn N, xã Đ, huyện N tỉnh Kon Tum các bị cáo Phạm T, Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D đã đánh bạc với nhau bằng hình thức xóc bầu cua được thua bằng tiền. Trong lúc đang đánh bạc thì bị Công an huyện Ngọc Hồi kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc và trên người các con bạc sau khi điều tra đã làm rõ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 10.390.000 đồng (Mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng), cùng tang vật liên quan.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đánh bạc ăn tiền của các bị cáo bị nhà nước ta nghiêm cấm, việc các bị cáo tụ tập đánh bạc, sát phạt ăn tiền của nhau, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự công cộng, làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ mọi hành vi đánh bạc trái phép đều bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức sóc bầu cua được thua bằng tiền để thu nhập bất chính. Khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị bắt quả tang tại chiếu bạc 10.390.000 đồng. Do đó, các bị cáo bị truy tố về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng nội dung vụ án. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Xét thấy trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện một tội phạm nhưng không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử các bị cáo trong vụ án theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

[4.1] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

Các bị cáo Phạm T, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Ngoài ra đối với các bị cáo Trần Đình D có ông nội là Liệt sỹ. bị cáo Nguyễn văn D có bố là Thương binh, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn N, Nguyễn văn D, Nguyễn Chí T, Phạm T hiện tại các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo D, H và M.

[4.3] *Về áp dụng hình phạt:*

Qua xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Với tính chất, mức độ hành vi của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên đối với bị cáo Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử thấy: không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, các bị cáo có nơi làm việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo .

Đối với bị cáo Phạm T, Nguyễn Chí T căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng kinh tế thì các bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, các hình phạt này tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm tái hoà nhập cộng đồng, lao động khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội.

Khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự còn quy định người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước và người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Trong vụ án này bị cáo Phạm T, Nguyễn Chí T được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T và T. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy tại địa phương các bị cáo Trần Đình D, Hoàng văn H, Nguyễn thanh M, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D đều làm công nhân là lao động chính trong gia đình, các bị cáo đều có điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D, H , M, N, D và hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) tấm bìa bên trên có 06 ô in hình lần lượt là; Nai, Bầu, Gà, Cá, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

+ 01 (Một)tô nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 01(Một) đĩa nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 03(ba) hột xúc sắc, mỗi hột có 06 mặt in hình: Nai, bầu, gà, Ca, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.390.000 đồng (Mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Trả lại số tiền 2.000.000 đ(Hai triệu đồng) cho bị cáo Nguyễn Chí T.

[6] Đối với các hành vi có liên quan đến vụ án*:*

- Trong vụ án này có anh Trần Ngọc V và vợ là Nguyễn Thị Trúc L là chủ quán nước nơi các bị cáo sử dụng để đánh bạc, quá trình điều tra xác định: Khi các bị cáo đánh bạc thì anh V và chị L không có mặt tại quán nước của gia đình nên anh Vũ và chị Linh không biết việc các bị cáo phạm tội trên. Khi anh V vừa về đến nhà thì lực lượng Công an đến bắt quả tang. Ngoài ra, anh V và chị L không thu lợi bất chính gì từ việc đánh bạc trên. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với hai người nói trên

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm T, Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D phạm tội *"Đánh bạc";*

*Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự:*

- Xử phạt bị cáo Trần Đình D 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14-8-2023 đến ngày 30-8-2023) là 17 ngày tương ứng với 51 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Dũng phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) tháng, 9 (chín) ngày.

Giao bị cáo Trần Đình D cho Ủy ban nhân dân xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân xã KRoong trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

*Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14-8-2023 đến ngày 30-8-2023) là 17 ngày tương ứng với 51 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Hùng phải chấp hành là 07 (bảy) tháng 9 (chín) ngày.

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân xã T trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M  09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14-8-2023 đến ngày 30-8-2023 là 17 ngày tương ứng với 51 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Minh phải chấp hành là 07 (bảy) tháng , 9 (chín) ngày.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14-8-2023 đến ngày 30-8-2023) là 17 ngày tương ứng với 51 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Nguyên phải chấp hành là 07 (bảy) tháng 09 (chín) ngày.

Giao Nguyễn Hữu N cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14-8-2023 đến ngày 30-8-2023) là 17

ngày tương ứng với 51 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Duẫn phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày.

Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo D, H, M, N, D được tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn nơi các bị cáo được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự:*

- Xử phạt bị cáo Phạm T số tiền: 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T số tiền: 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo .

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo:

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) tấm bìa bên trên có 06 ô in hình lần lượt là; Nai, Bầu, Gà, Cá, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

+ 01 (Một)tô nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 01(Một) đĩa nhôm màu trắng đã qua sử dụng;

+ 03(ba) hột xúc sắc, mỗi hột có 06 mặt in hình: Nai, bầu, gà, Cá, Cua, Tôm đã qua sử dụng;

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/11/2023 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Hồi với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

- Tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.390.000 đồng (Mười triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Trả lại số tiền 2.000.000 đ(Hai triệu đồng) cho bị cáo Nguyễn Chí T.

(Theo biên lai thu tiền số: 0001268 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Phạm T, Trần Đình D, Hoàng Văn H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 28- 12 -2023 các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các Bị cáo;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hành**